

PHỤ LỤC:

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 (ĐỢT 1) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 11/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1)			Ghi chú
		Tổng	NSTW	NS cấp tỉnh	
	Tổng cộng (I+II)	3.000.610	2.500.300	500.310	
I	Giao chi tiết cho các xã, đặc khu Lý Sơn	2.250.270	2.250.270		
1	Xã Nguyễn Nghiêm	15.392	15.392		
2	Xã Trà Bồng	32.324	32.324		
3	Xã Đông Trà Bồng	21.036	21.036		
4	Xã Tây Trà	32.324	32.324		
5	Xã Thanh Bồng	29.758	29.758		
6	Xã Cà Đam	29.758	29.758		
7	Xã Tây Trà Bồng	32.837	32.837		
8	Xã Sơn Hạ	35.402	35.402		
9	Xã Sơn Linh	31.811	31.811		
10	Xã Sơn Hà	29.244	29.244		
11	Xã Sơn Thủy	33.862	33.862		
12	Xã Sơn Kỳ	33.862	33.862		
13	Xã Sơn Tây	30.783	30.783		
14	Xã Sơn Tây Thượng	30.270	30.270		
15	Xã Sơn Tây Hạ	31.297	31.297		
16	Xã Minh Long	30.270	30.270		
17	Xã Sơn Mai	29.757	29.757		
18	Xã Ba Vì	32.323	32.323		
19	Xã Ba Tô	31.810	31.810		
20	Xã Ba Đình	29.757	29.757		
21	Xã Ba Tơ	30.783	30.783		
22	Xã Ba Vinh	30.783	30.783		
23	Xã Ba Động	28.218	28.218		
24	Xã Đặng Thủy Trâm	29.757	29.757		
25	Xã Ngọc Bay	21.035	21.035		
26	Xã Ia Chim	15.392	15.392		
27	Xã Đắk Rơ Wa	20.522	20.522		
28	Xã Đắk Pxi	28.731	28.731		
29	Xã Đắk Mar	15.392	15.392		
30	Xã Đắk Ui	21.035	21.035		
31	Xã Ngọc Ráo	30.270	30.270		
32	Xã Đắk Hà	15.392	15.392		
33	Xã Ngọc Tụ	30.270	30.270		
34	Xã Đắk Tô	23.601	23.601		
35	Xã Kon Đào	31.810	31.810		
36	Xã Đắk Sao	36.940	36.940		
37	Xã Đắk Tờ Kan	32.323	32.323		
38	Xã Tu Mơ Rông	32.836	32.836		
39	Xã Măng Ri	39.505	39.505		

TT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1)			Ghi chú
		Tổng	NSTW	NS cấp tỉnh	
40	Xã Bờ Y	29.757	29.757		
41	Xã Sa Loong	28.218	28.218		
42	Xã Dục Nông	30.270	30.270		
43	Xã Xốp	29.757	29.757		
44	Xã Ngọc Linh	36.427	36.427		
45	Xã Đắk Plô	30.270	30.270		
46	Xã Đắk Pék	30.783	30.783		
47	Xã Đắk Môn	26.166	26.166		
48	Xã Sa Thầy	22.062	22.062		
49	Xã Sa Bình	23.088	23.088		
50	Xã Ya Ly	28.218	28.218		
51	Xã Ia Toi	28.218	28.218		
52	Xã Đắk Kôi	32.836	32.836		
53	Xã Kon Braih	32.323	32.323		
54	Xã Đắk Rve	29.757	29.757		
55	Xã Măng Đen	32.323	32.323		
56	Xã Măng Bút	37.966	37.966		
57	Xã Kon Plông	34.888	34.888		
58	Xã Đắk Long	29.757	29.757		
59	Xã Ba Xa	29.244	29.244		
60	Xã Rờ Koi	27.192	27.192		
61	Xã Mô Rai	27.192	27.192		
62	Xã Ia Đal	26.166	26.166		
63	Đặc khu Lý Sơn	25.653	25.653		
64	Xã Khánh Cường	25.653	25.653		
65	Xã Mô Cày	25.653	25.653		
66	Xã Long Phụng	25.653	25.653		
67	Xã Lân Phong	25.653	25.653		
68	Xã Bình Sơn	25.653	25.653		
69	Xã Vạn Tường	25.653	25.653		
70	Xã Đông Sơn	25.653	25.653		
71	Xã An Phú	25.653	25.653		
72	Xã Tịnh Khê	25.653	25.653		
73	Xã Phước Giang	12.826	12.826		
74	Xã Thiện Tín	12.826	12.826		
75	Xã Nghĩa Hành	12.826	12.826		
76	Xã Đình Cương	12.826	12.826		
77	Xã Mộ Đức	12.826	12.826		
78	Xã Trà Giang	12.826	12.826		
79	Xã Tư Nghĩa	12.826	12.826		
80	Xã Vệ Giang	12.826	12.826		
81	Xã Nghĩa Giang	12.826	12.826		
82	Xã Bình Chương	12.826	12.826		
83	Xã Bình Minh	12.826	12.826		
84	Xã Trường Giang	12.826	12.826		
85	Xã Sơn Tịnh	12.826	12.826		
86	Xã Thọ Phong	12.826	12.826		
87	Xã Ba Gia	12.826	12.826		
II	Giao kế hoạch trung hạn sau	750.340	250.030	500.310	

TT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1)			Ghi chú
		Tổng	NSTW	NS cấp tỉnh	
1	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	250.030	250.030		
2	Đối ứng ngân sách cấp tỉnh	500.310		500.310	